

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 09/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28214101119	Nguyễn Đắc Tuấn	Anh	26/01/2004	Thanh Hóa	31CBN8	8.0	2.8	Không Đạt	
2	28208101888	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/11/2003	Đắk Lắk	31TBN13	4.3	5.8	Không Đạt	
3	28206121597	Trần Quế	Anh	10/12/2004	Quảng Ngãi	31CBN8	6.3	5.0	Đạt	
4	28208200774	Trần Thị Minh	Anh	04/12/2004	Bình Định	31SYC6	9.3	7.0	Đạt	
5	28208053167	Phan Thị Minh	Ảnh	21/04/2004	Đắk Lắk	31TBN13	7.3	5.0	Đạt	
6	28218250753	Tạ Quang	Bình	12/07/2003	Quảng Nam	31CBN8	7.0	6.3	Đạt	
7	28208102706	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	21/02/2004	Quảng Nam	31TBN13	7.0	4.3	Không Đạt	
8	27206300254	Lê Phạm Chiêu	Đan	01/09/2003	Quảng Ngãi	31CBN8	6.7	6.8	Đạt	
9	28214600396	Trần Thành	Đạt	24/01/2004	Quảng Trị	31TBN13	5.0	0.0	Không Đạt	
10	28216654855	Ngô Nhật Anh	Đức	11/01/2004	Hà Nội	31CBN8	7.3	6.5	Đạt	
11	28204601060	Nguyễn Thùy	Dương	29/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN8	9.7	8.8	Đạt	
12	28208153477	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	25/03/2004	Đà Nẵng	31CBN8	9.3	6.3	Đạt	
13	29204455077	Nguyễn Khánh	Giang	15/05/2005	Đà Nẵng	31SYC6	6.3	9.8	Đạt	
14	28204322931	Nguyễn Phan Thị Trà	Giang	23/11/2004	Đắk Lắk	31TBN13	5.0	5.0	Đạt	
15	28214552879	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2004	Quảng Trị	31SYC6	8.0	9.8	Đạt	
16	28208101004	Nguyễn Phạm Diệu	Hân	29/07/2004	Đà Nẵng	31CBN8	7.7	6.3	Đạt	
17	28208245578	Trần Kim	Hân	27/01/2004	Đà Nẵng	31CBN8	9.0	8.0	Đạt	
18	28209446141	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	11/12/2004	Bình Định	31SYC6	8.3	8.5	Đạt	
19	28204604790	Phan Thị Ngọc	Hằng	05/04/2004	Hà Tĩnh	31TBN13	5.3	5.3	Đạt	
20	28204639013	Trương Thị Thanh	Hằng	01/02/2004	Quảng Nam	31TBN13	6.0	6.5	Đạt	
21	28214600749	Trương Văn	Hiên	17/01/2004	Quảng Nam	31TBN13	4.3	5.3	Không Đạt	
22	28204951257	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	10/07/2004	Khánh Hòa	31TBN13	7.7	3.8	Không Đạt	
23	28204636066	Võ Thu	Hiền	09/02/2004	Đà Nẵng	31CBN8	6.3	6.5	Đạt	
24	28205149987	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	04/11/2004	Đắk Lắk	31TBN13	2.0	6.0	Không Đạt	
25	29219323285	Nguyễn Huy	Hoàng	01/10/2005	Quảng Trị	31TBN13	6.7	6.5	Đạt	
26	28212354709	Hồ Vũ Quang	Huy	01/01/2004	Đà Nẵng	31CBN8	6.7	7.0	Đạt	
27	28218150818	Nguyễn Gia	Huy	30/06/2004	Quảng Nam	31TBN13	9.3	7.0	Đạt	
28	29205241164	Phan Mạnh Kim	Huyền	18/11/2005	Kon Tum	31TYC10	5.0	6.8	Đạt	
29	27205139284	Trần Thị	Huyền	10/03/2002	Quảng Nam	30TYC4	8.3	7.5	Đạt	
30	28218200370	Nguyễn Lâm Gia	Kiệt	26/07/2004	Quảng Nam	31CBN8	8.3	10.0	Đạt	
31	28208105513	Nguyễn Thị Phương	Lan	10/08/2004	Quảng Nam	31TBN13	8.7	7.8	Đạt	
32	28218131517	Nguyễn Hoàng	Lân	14/05/2004	Đà Nẵng	31TBN13	4.7	5.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28208201156	Tổng Thị Mỹ	Lệ	10/01/2004	Bình Định	31SYC6	6.7	6.5	Đạt	
34	28204650659	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/07/2004	Đà Nẵng	31TBN13	6.3	5.3	Đạt	
35	28204802961	Phạm Thị Thu	Loan	08/10/2004	Quảng Nam	31CBN8	6.0	V	Không Đạt	
36	28207247210	Nguyễn Thị Diễm	Ly	17/06/2003	Gia Lai	31SYC6	8.0	7.8	Đạt	
37	28204303333	Nguyễn Thị Dịu	Ly	01/01/2004	Huế	31TBN13	5.7	6.5	Đạt	
38	29214659015	Hà Công	Minh	06/01/2005	Gia Lai	31TBN13	5.0	5.3	Đạt	
39	29206221348	H Phon	Mlô	20/01/2004	Đắk Lắk	31TBN13	7.7	6.3	Đạt	
40	28208201878	Đặng Thị My	My	21/02/2004	Quảng Ngãi	31SYC6	8.3	8.5	Đạt	
41	28207102728	Lê Trần Huyền	My	01/01/2004	Đắk Nông	31TBN13	7.7	4.0	Không Đạt	
42	28204822751	Nguyễn Hạ	My	18/11/2004	Quảng Nam	31SYC6	9.7	10.0	Đạt	
43	28204600828	Nguyễn Thị Xuân	My	08/08/2004	Quảng Ngãi	31CBN8	8.3	3.8	Không Đạt	
44	29206254332	Trần Thị Trà	My	01/05/2005	Kon Tum	31TBN13	9.3	7.5	Đạt	
45	28207105121	Nguyễn Thị Thanh	Nga	21/01/2004	Bình Định	31TBN13	6.3	4.3	Không Đạt	
46	28208054729	Nguyễn Thị Việt	Ngân	09/02/2004	Phú Yên	31SYC6	7.0	5.3	Đạt	
47	28208004373	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/08/2003	Đà Nẵng	31SYC5	9.7	7.8	Đạt	
48	28204405245	Trần Thị Bích	Ngọc	14/04/2004	Đắk Lắk	31SYC6	6.7	7.3	Đạt	
49	28204322650	Phạm Thị	Nguyên	19/11/2004	Quảng Nam	31CBN8	9.0	10.0	Đạt	
50	28204154940	Võ Thị Thu	Nguyên	29/10/2004	Đà Nẵng	31SYC6	9.3	9.3	Đạt	
51	28208204821	Trần Hồ Thiên	Nguyện	29/09/2004	Đà Nẵng	31CBN8	10.0	8.0	Đạt	
52	28214603395	Lê Ích	Nhân	03/08/2004	Huế	31TBN13	7.3	6.3	Đạt	
53	28218143216	Phạm Đình	Nhật	01/04/2004	Quảng Nam	31TBN13	9.7	9.5	Đạt	
54	28204602765	Nguyễn Ngọc	Nhi	23/07/2004	Quảng Trị	31SYC6	6.7	6.5	Đạt	
55	28208005760	Nguyễn Thị Phương	Nhi	04/02/2004	Quảng Trị	31SYC6	8.0	7.8	Đạt	
56	28208105827	Văn Thị Kim	Nhung	14/09/2004	Quảng Nam	31TBN13	8.7	8.5	Đạt	
57	28208101682	Dương Thị Hồng	Phấn	10/03/2004	Bình Định	31TBN13	7.3	3.8	Không Đạt	
58	28214505828	Mai Thành	Phát	17/08/2004	Quảng Nam	31TBN13	5.7	5.0	Đạt	
59	28204604412	Võ Thị Lệ	Quyên	20/12/2004	Quảng Nam	31SYC6	9.7	8.8	Đạt	
60	28208002645	Võ Thị Lệ	Quyên	10/08/2004	Quảng Nam	31TBN13	3.7	1.5	Không Đạt	
61	28204553545	Ngô Thị Như	Quỳnh	25/10/2004	Quảng Nam	31CBN8	9.3	9.8	Đạt	
62	28208003696	Phan Nguyễn Minh	Sa	19/08/2004	Đà Nẵng	31CBN8	9.0	8.3	Đạt	
63	28204900508	Trần Hoài	Sương	20/05/2004	Quảng Bình	31TBN13	6.7	5.0	Đạt	
64	28208026109	Trần Nguyễn Thanh	Tâm	01/09/2004	Quảng Nam	31SYC6	8.7	7.5	Đạt	
65	27211539649	Huỳnh Đức	Thạch	02/06/2003	Quảng Nam	31TBN13	1.7	2.8	Không Đạt	
66	27203730787	Đoàn Thị	Thanh	29/10/2003	Quảng Bình	31TYC10	V	V	Không Đạt	
67	28208202235	Nguyễn Hà Thu	Thảo	10/06/2004	Đà Nẵng	31CBN8	6.7	6.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28204606714	Dương Quỳnh	Thư	06/02/2004	Đà Nẵng	31SYC6	8.7	10.0	Đạt	
69	28205102580	Lê Thị Anh	Thư	04/05/2004	Quảng Nam	31SYC6	7.0	10.0	Đạt	
70	28205245615	Nguyễn Anh	Thư	09/05/2004	Đà Nẵng	31TBN11	8.0	6.3	Đạt	
71	28207103645	Nguyễn Phan Hiền	Thục	15/11/2004	Quảng Trị	31TBN13	5.3	3.3	Không Đạt	
72	28208147015	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	30/11/2004	Quảng Nam	31TBN13	8.3	5.5	Đạt	
73	28208100383	Trương Thị Thanh	Thúy	29/08/2004	Quảng Ngãi	31TBN13	10.0	6.5	Đạt	
74	28207103209	Vũ Thị Thu	Thúy	26/05/2004	Bình Phước	31SYC6	8.7	6.8	Đạt	
75	30204938175	Võ Đào Bảo	Trâm	21/10/2006	Đà Nẵng	31TBN13	5.3	3.3	Không Đạt	
76	28204504050	Cao Thị Vĩnh Hiền	Trang	14/10/2004	Đà Nẵng	31CBN8	10.0	8.5	Đạt	
77	28208154662	Đinh Thị Thùy	Trang	02/08/2004	Đà Nẵng	31TBN13	9.7	6.8	Đạt	
78	28204850602	Nguyễn Lê Ngọc	Trang	20/05/2004	Đắk Lắk	31SYC6	8.7	8.5	Đạt	
79	28206725679	Trần Thị Thùy	Trang	06/05/2004	Quảng Nam	31SYC6	5.3	5.3	Đạt	
80	28208142242	Trần Thị Thùy	Trang	22/01/2004	Đà Nẵng	31SYC6	6.7	6.8	Đạt	
81	28218300913	Dương Ngọc	Trí	03/01/2004	Quảng Nam	31CBN8	9.0	3.8	Không Đạt	
82	28204505373	Lê Phương	Trúc	02/01/2004	Quảng Nam	31CBN8	8.7	6.0	Đạt	
83	28209424381	Nguyễn Thị Minh	Trường	06/03/2004	Khánh Hòa	31SYC6	7.3	8.5	Đạt	
84	28208202598	Phan Thị Thu	Tuyền	20/08/2004	Đà Nẵng	31SYC6	7.3	6.0	Đạt	
85	28209445558	Trần Thị Phương	Tuyền	10/05/2004	Quảng Nam	31SYC6	8.7	7.5	Đạt	
86	28204500278	Đinh Ngọc Tường	Vy	23/01/2004	Quảng Nam	31CBN8	9.7	9.3	Đạt	
87	27203353106	Nguyễn Thị Thảo	Vy	16/10/2000	Đà Nẵng	31CBN8	9.3	8.3	Đạt	
88	29208042247	Võ Thị Thúy	Vy	12/09/2005	Gia Lai	31TBN13	3.0	2.8	Không Đạt	
89	0396304831	Bùi Thị	Yên	04/03/2007	Đà Nẵng	31TBN13	7.3	7.5	Đạt	
90	28208205571	Đàm Vương Nguyệt	Yên	06/01/2004	Đà Nẵng	31CBN8	7.3	9.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh